

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành
Công trình: Mở rộng Trường Cao đẳng Nghề Bình Định
Hạng mục: Nhà thực hành nghề số 1**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 của Chính phủ quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công;

Căn cứ Thông tư số 96/2021/TT-BTC của Bộ Tài chính Quy định về hệ thống mẫu biểu sử dụng trong công tác quyết toán;

Căn cứ Quyết định 1302/QĐ-UBND ngày 21/04/2023 của UBND tỉnh về việc phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành công trình Bồi thường, hỗ trợ đất nông nghiệp cho một số hộ dân và tổ chức bị ảnh hưởng do GPMB để thực hiện Dự án Mở rộng Trường Cao đẳng Bình Định (Hạng mục: Nhà thực hành nghề số 1), phường Nhơn Phú, thành phố Quy Nhơn;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 465/TTr-STC ngày 03/10/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành

- Tên công trình: Mở rộng Trường Cao đẳng Nghề Bình Định;
- + Hạng mục: Nhà thực hành nghề số 1
- Chủ đầu tư: Ban Quản lý Dự án Dân dụng và Công nghiệp tỉnh Bình Định;
- Địa điểm xây dựng: Phường Nhơn Phú, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định;
- Cấp quyết định đầu tư: UBND tỉnh Bình Định;
- Cơ quan phê duyệt Dự án: UBND tỉnh Bình Định;
- Thời gian khởi công - hoàn thành (thực tế): 24/9/2021 - 26/4/2023;

Điều 2. Kết quả đầu tư

1. Chi phí đầu tư:

Đơn vị tính: đồng

Nội dung	Tổng dự toán được duyệt lần cuối	Giá trị quyết toán phê duyệt
Tổng công chi phí	38.415.981.000	36.411.560.000
1. Chi phí bồi thường, GPMB	1.160.730.000	1.158.404.000
2. Chi phí xây dựng, thiết bị	32.864.531.000	32.071.984.000
3. Chi phí quản lý dự án	811.508.346	784.491.000
4. Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	2.303.430.346	2.184.988.000
4.1 Khảo sát địa chất, địa hình	222.178.000	213.684.000
4.2 Lập Dự án đầu tư xây dựng	271.877.000	271.877.000
4.3 Thiết kế bản vẽ thi công	765.600.000	765.600.000
4.4 Thăm tra Thiết kế bản vẽ thi công và dự toán	121.782.656	120.972.000
<i>a Phần dân dụng</i>	<i>112.460.800</i>	
<i>b Phần di dời Trạm biến áp hiện trạng và xây mới trạm biến áp</i>	<i>9.321.856</i>	
4.5 Giám sát thi công xây dựng công trình	828.054.732	752.777.000
<i>a Phần XD công trình dân dụng</i>	<i>693.497.689</i>	
<i>b Phần hạ tầng kỹ thuật</i>	<i>39.280.669</i>	
<i>c Phần thiết bị xây dựng</i>	<i>28.860.538</i>	
- <i>Phần xây dựng di dời trạm biến áp hiện trạng và xây dựng mới trạm biến áp</i>	<i>57.169.720</i>	
- <i>Phần thiết bị di dời trạm biến áp hiện trạng và xây dựng mới trạm biến áp</i>	<i>9.246.116</i>	
4.6 Lập hồ sơ mời thầu, phân tích đánh giá hồ sơ dự thầu	68.087.626	60.078.000
<i>a Gói thầu tư vấn thiết kế bản vẽ thi công và dự toán</i>	<i>2.000.000</i>	
<i>b Gói thầu Xây lắp</i>	<i>66.087.626</i>	<i>60.078.000</i>
- <i>Phần dân dụng</i>	<i>59.216.008</i>	
- <i>Phần thiết bị di dời Trạm biến áp hiện trạng và xây mới trạm biến áp</i>	<i>4.871.618</i>	

-	<i>Phần tư vấn giám sát</i>	2.000.000	
4.7	Thí nghiệm Dz và TBA:	25.850.332	
<i>a</i>	<i>Đường dây 0,4kv</i>	75.719	
<i>b</i>	<i>Đường dây 22kv</i>	20.797.342	
<i>c</i>	<i>Trạm biến áp</i>	4.977.271	
5.	Chi phí khác	265.886.833	211.693.000
5.1	Bảo hiểm công trình xây dựng	26.817.709	23.042.000
5.2	Chi phí hội đồng tư vấn giải quyết kiến nghị của nhà thầu và kết quả lựa chọn nhà thầu tư vấn thiết kế bản vẽ thi công và dự toán, thi công xây lắp, mua sắm thiết bị, tư vấn giám sát	5.657.725	
5.3	Thẩm định hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu và kết quả chọn thầu	33.130.739	30.948.000
<i>a</i>	<i>Gói thầu thầu tư vấn thiết kế bản vẽ thi công và dự toán</i>	2.000.000	
<i>b</i>	<i>Gói thầu thi công xây dựng</i>	23.807.735	
<i>c</i>	<i>Gói thầu mua sắm thiết bị xây dựng</i>	3.108.632	
<i>d</i>	<i>Gói thầu di dời Trạm biến áp hiện trạng và xây mới trạm biến áp</i>	2.214.372	
<i>e</i>	<i>Gói thầu thầu tư vấn giám sát</i>	2.000.000	
5.4	Thẩm định Dự án	2.813.620	2.813.000
5.5a	Thẩm định thiết kế bản vẽ thi công và Dự toán (phần xây dựng)	35.975.000	35.975.000
5.5b	Thẩm định thiết kế bản vẽ thi công và Dự toán (phần điện)	2.466.000	2.466.000
5.6	Thẩm tra phê duyệt quyết toán	116.449.317	116.449.000
<i>a</i>	<i>Thẩm tra chi phí BTGPMB</i>	3.301.000	
<i>b</i>	<i>Thẩm tra các chi phí còn lại</i>	113.148.000	
5.7	Thẩm duyệt phòng cháy chữa cháy	1.580.000	
5.8	Kiểm tra công tác nghiệm thu công trình	17.292.000	
5.9	Thẩm định giá thiết bị	14.000.000	
5.10	Chi phí khác đường dây TBA	9.704.723	
<i>a</i>	<i>Chi phí ngưng và cấp điện trở lại</i>	1.016.400	

<i>b</i> Chi phí nghiệm thu TBA	8.688.323	
- Dự phòng chi	1.009.894.475	

2. Vốn đầu tư:

Đơn vị tính: 1.000 đồng

Nội dung	Dự toán được duyệt lần cuối	Giá trị quyết toán phê duyệt	Số vốn đã giải ngân	Số vốn còn được giải ngân so với giá trị quyết toán phê duyệt	Số vốn đã thu hồi so với giá trị quyết toán phê duyệt	Số vốn phải thu hồi so với giá trị quyết toán phê duyệt
1	2	3	4	5	6	7
Tổng số	<u>38.415.981</u>	<u>36.411.560</u>	<u>36.326.239</u>	<u>113.148</u>	<u>0</u>	<u>27.827</u>
1. Vốn đầu tư công	38.415.981		36.326.239			
- Vốn ngân sách nhà nước	38.415.981		36.326.239			
+ Ngân sách tỉnh	38.415.981		36.326.239			

3. Giá trị tài sản hình thành sau đầu tư:

Đơn vị tính: đồng

Nội dung	Thuộc chủ đầu tư quản lý		Giao đơn vị khác quản lý	
	Giá trị thực tế	Giá trị quy đổi	Giá trị thực tế	Giá trị quy đổi
Tổng số			<u>36.411.560.000</u>	<u>36.411.560.000</u>
1. Tài sản dài hạn (tài sản cố định)			36.411.560.000	36.411.560.000
2. Tài sản ngắn hạn				

4. Chi phí đầu tư được phép không tính vào giá trị tài sản: Không

4.1. Chi phí thiệt hại do các nguyên nhân bất khả kháng: Không

4.2. Chi phí không tạo nên tài sản: Không

5. Vật tư thiết bị tồn đọng: Không

Điều 3. Trách nhiệm của chủ đầu tư và các đơn vị liên quan:

1. Trách nhiệm của chủ đầu tư:

- Được phép tất toán nguồn và chi phí đầu tư công trình là:

Đơn vị tính: đồng

STT	Nội dung	Số tiền	Ghi chú
<u>Tổng số</u>		<u>36.411.560.000</u>	
1	<i>Vốn đã được thanh toán</i>	<i>36.326.239.000</i>	
	+ Ngân sách Tỉnh	36.326.239.000	
2	<i>Vốn còn phải thu hồi</i>	<i>27.827.000</i>	
3	<i>Vốn chưa được thanh toán</i>	<i>113.148.000</i>	

- Tổng các khoản công nợ tính đến ngày 30 tháng 5 năm 2023 (ngày lập báo quyết toán) là:

+ Tổng nợ phải thu: 27.827.000 đồng; Gồm:

x Chi phí quản lý dự án: 27.017.000 đồng

x Thẩm tra Thiết kế bản vẽ thi công và dự toán: 810.000 đồng

+ Tổng nợ phải trả: 113.148.000 đồng; Gồm:

x Chi phí khác (Thẩm tra phê duyệt quyết toán): 113.148.000 đồng

2. Trách nhiệm của đơn vị tiếp nhận tài sản: Được phép ghi tăng tài sản:

Đơn vị tính: đồng

Tên đơn vị tiếp nhận tài sản	Tài sản dài hạn/cố định	Tài sản ngắn hạn
Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Quy Nhơn	36.411.560.000	

Điều 4. Chủ đầu tư, đơn vị tiếp nhận tài sản có trách nhiệm quản lý, sử dụng công trình và thực hiện việc bàn giao công trình theo quy định hiện hành. Căn cứ số liệu quyết toán được duyệt, các cơ quan, đơn vị liên quan tiến hành cấp phát, thanh toán, hạch toán vốn đầu tư xây dựng cơ bản theo đúng quy định.

Điều 5. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Lao động - Thương binh và Xã hội; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Giám đốc Ban Quản lý Dự án Dân dụng và Công nghiệp tỉnh; Hiệu trưởng

trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Quy Nhơn và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- CT, PCT Lâm Hải Giang;
- PVP VX;
- Lưu: VT, K20.

Su

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lâm Hải Giang

[Handwritten signature in blue ink]